TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 362/2023/DS-PT
Ngày: 28/8/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2023/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2586/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm: 1988, địa chỉ: số A, Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Kim O, sinh năm: 1952; (Có mặt)
- Bà Huỳnh Thị Kim C1, sinh năm 1957; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh T: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Chị Nguyễn Thị Liễu T1, sinh năm 1977; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* Người kháng cáo: Ông Lê Văn C, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo bản án sơ thẩm:***

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Ông Lê Văn C (C2) và ông Trần Minh T là bà con cô cậu ruột. Thông qua ông T thì ông C có biết việc ông O, bà C1 có nhu cầu mượn tiền đáo hạn ngân hàng, đồng thời ông C được biết ông O, bà C1 có bà con với ông T.

Ngày 11/7/2019, tại quán cà phê trước sân vận động tỉnh Bến Tre, có mặt của ông C, ông T và ông O, bà C1 thì ông C có trao đổi với vợ chồng ông O, bà C1 về việc ông O, bà C1 cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng và có trao đổi thông tin về tên, địa chỉ với nhau. Sau khi trao đổi thì ông C giao cho ông O, bà C1 số tiền 650.000.000 đồng. Ông O, bà C1 có đếm lại đủ số tiền. Khi mượn tiền ông O và bà C1 nói mục đích mượn tiền là để trả đáo hạn Ngân hàng và có hứa khoảng 7 ngày hoặc chậm nhất 14 ngày sau (kể từ ngày 11/7/2019) sẽ trả lại số tiền vốn vay là 650.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể, ông O, bà C1 chỉ nói khi trả tiền vốn sẽ trả tiền lãi thỏa đáng cho ông C. Ông T chỉ là người giới thiệu cho việc mượn tiền. Khi ngồi nói chuyện qua lại thì ông C có nhận được điện thoại và cần xử lý công việc. Do tin tưởng ông T và cũng biết rõ thông tin của ông O, bà C1 nên ông C giao lại cho ông T viết biên nhận với ông O, bà C1. Ông T có viết Biên nhận ngày 11/7/2019. Sau khi xử lý công việc xong thì ông C quay lại gặp ông T để lấy biên nhận. Khi đọc biên nhận thì ông C có hỏi ông T vì sao ông C cho mượn tiền mà có tên ông T trong biên nhận thì ông T giải thích là do quen tay nên ghi tên ông T vào biên nhận. Tuy nhiên, mặt sau biên nhận thì ông T ký tên dưới mục "Người làm chứng" nên ông C yên tâm, không yêu cầu viết lại Biên nhận khác.

Đến hạn trả nợ thì ông C có liên hệ ông T để hỏi lý do ông O, bà C1 không hoàn trả số tiền đã mượn thì ông T có nói là do ông O, bà C1 cần vay tiền Ngân hàng nhiều hơn nên thủ tục lâu. Tuy nhiên, do quá hạn trả nợ đã lâu nhưng ông Ô, bà C1 vẫn không trả tiền cho ông C đúng như thỏa thuận nên ông C có nhiều

lần đến nhà ông O, bà C1 yêu cầu trả tiền. Ông O tự tay viết và ký tên Giấy xác nhận ngày 21/9/2021 và Giấy xác nhận 01/10/2021 với nội dung: "ngày 16/7/2021 đã trả tiền 650.000.000đ mượn của ông C ngày 11/7/2019 cho người nhận tiền là Trần Minh T mà không có mặt của ông C". Ông O có nói với ông C là để liên hệ ông T lấy tiền lại và trả tiền cho ông C nhưng không thực hiện.

Ông O, bà C1 và ông T tự ý thỏa thuận với nhau về việc ông O, bà C1 trả tiền vay của ông C cho ông T. Sự thỏa thuận này không được sự đồng ý của ông C. Ông O, bà C1 vay tiền và nhận tiền trực tiếp từ ông C mà trả cho ông T là không đúng. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị Kim C1 liên đới trả ông C số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, ông C không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị Kim C1 trình bày:

Chị Nguyễn Thị Liễu T1 (con gái của ông O, bà C1) có biết ông Trần Minh T, khoảng tháng 7/2018 chị T1 cần tiền làm ăn nên có nhờ ông bà đứng ra vay tiền Ngân hàng, khi đáo hạn Ngân hàng thì chị T1 có mượn tiền của ông T để trả vào Ngân hàng và làm thủ tục vay lại. Sau khi Ngân hàng giải ngân thì sẽ trả tiền lại cho ông T. Ông T đồng ý cho mượn tiền và hẹn ngày, địa điểm nhận tiền. Đến ngày hẹn nhận tiền là ngày 11/7/2019 do chị T1 bận công việc nên có nhờ ông bà đến chỗ hẹn là quán cà phê đối diện sân vận động tỉnh Bến Tre để nhận tiền. Khi ông bà đến quán cà phê như đã hẹn trước thì có ông T (ông bà đã gặp trước đó vài lần) và một người nữa (sau này mới biết người này là ông Lê Văn C). Khi trao đổi việc vay tiền thì chỉ có ông bà nói chuyện trực tiếp với ông T còn ông C không nói gì. Khoảng 10 phút sau thì ông C để tiền trên bàn và rời đi, sau đó, ông T viết biên nhận và vợ chồng ông bà có đọc lại và có ký tên dưới nội dung "Người mượn tiền" của biên nhận. Còn các nội dung "Người giao tiền" và "Người làm chứng" là do ông T và ông C viết và ký sau. Ông bà nghĩ là ông C và ông T làm ăn chung nên ghi trong giấy nợ là vợ chồng ông bà mượn của hai người nên cũng không hỏi về vấn đề này. Ông bà chỉ cần nhận số tiền này để trả Ngân hàng, sau khi giải ngân sẽ trả đủ số tiền đã mượn. Biên nhận là do ông T giữ, ông bà không giữ bản nào. Sau khi nhận số tiền 650.000.000 đồng thì ông bà đến Ngân hàng để trả tiền. Số tiền cần trả vào Ngân hàng là 850.000.000 đồng nhưng ông bà chỉ có 650.000.000 đồng nên Ngân hàng cho ông bà trả làm 02 lần, lần 1 trả 450.000.000 đồng, lần 2 trả 400.000.000 đồng. Do đó, ông bà chỉ lấy 450.000.000 đồng trả cho Ngân hàng, còn lại 200.000.000 đồng thì đưa lại cho ông T để giảm được giảm

tiền lãi. Sau vài ngày, Ngân hàng giải Ngân thì chị T1 là người trả tiền cho ông T, chị T1 trả 450.000.000 đồng nhưng ông T vẫn ghi giấy là đã nhận đủ số tiền 650.000.000 đồng cho phù hợp với Biên nhận mượn tiền ngày 11/7/2019. Theo biên nhận ngày 11/7/2019 thì nội dung là ông, bà mượn tiền của ông Lê Văn C và ông Trần Minh T nên ông bà trả tiền cho ông T là xem như hoàn thành giao dịch giữa các bên vì ông bà chỉ biết ông T, không biết ông C. Còn giữa ông T và ông C thỏa thuận, tính toán như thế nào thì ông bà không rõ.

Đến năm 2021, ông C nhiều lần tới lui gặp ông bà để than phiền về việc ông T không giao tiền lại cho ông C và năn nỉ ông O viết một giấy xác nhận là đã trả nợ cho ông C nhưng do ông T nhận. Sau đó thì ông C lại đến nhà ông, bà và nhờ viết thêm một tờ xác nhận nội dung là khi vợ chồng ông bà trả tiền không có mặt ông C.

Ông bà xác định, ông bà đã trả xong số tiền mượn theo giấy mượn tiền ngày 11/7/2019, mặc dù thời điểm đó ông bà không xác định được tiền của ai đưa ra cho ông bà mượn nhưng trong biên nhận thấy có tên ông T và quen biết ông T thì ông bà trả tiền cho ông T. Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông bà trả tiền là không phù hợp nên ông bà không đồng ý. Ông C phải khởi kiện ông T để yêu cầu ông T trả tiền nếu ông T chưa giao tiền cho ông C. Ông bà không còn nghĩa vụ gì đối với số tiền ông C khởi kiện.

Tại bản biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/4/2023 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Liễu T1 trình bày:

Chị là con của ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị Kim C1. Do mối quan hệ làm ăn nên chị có quen biết ông T. Vào năm 2018 do cần vốn nên chị có nhờ cha mẹ chị vay tiền Ngân hàng. Đến khi đáo hạn Ngân hàng chị có hỏi mượn ông T số tiền 850.000.000 đồng để trả vào Ngân hàng thì được ông T đồng ý và hẹn ngày giao tiền là ngày 11/7/2019. Đến ngày giao tiền do chị bận công việc nên có nhờ cha mẹ chị đến gặp ông T nhận số tiền 850.000.000 đồng và làm giấy tờ với ông T. Khi đến gặp ông T tại quán cà phê thì ông T nói chỉ có được 650.000.000 đồng. Chị có nghe ông O, bà C1 kể lại là khi đến gặp ông T thì có thêm một người nữa (sau này mới biết là ông C) nhưng ông này không nói chuyện, chỉ để tiền lên bàn và rời đi. Sau đó ông T làm giấy tờ thì cha mẹ chị ký tên. Cha mẹ chị có thắc mắc là mượn tiền của ông T nhưng có để tên ông C thì chị có nói là chỉ biết ông T nên mượn tiền của ông T còn việc giữa ông T và ông C thỏa thuận như thế nào thì không rõ. Do không đủ tiền đáo hạn 01 lần nên Ngân hàng cho đáo hạn 02 lần, lần 1 là 450.000.000 đồng, lần 2 là 400.000.000 đồng. Do đó, ông O, bà C1 trả Ngân hàng 450.000.000 đồng và trả lại cho ông T 200.000.000 đồng. Sau khi

Ngân hàng giải ngân xong thì chị trả số tiền mượn của ông T là 450.000.000 đồng, ông T không lấy tiền lãi. Do cha mẹ chị ký mượn tiền số tiền 650.000.000 đồng nên khi chị trả tiền thì ông T có làm biên nhận ngày 16/7/2019 nội dung là đã nhận đủ số tiền 650.000.000 đồng từ cha mẹ chị.

Như vậy, đối với số tiền cha mẹ chị ký mượn trong biên nhận ngày 11/7/2019 thì chị đã trả xong cho ông T. Chị quen biết và mượn tiền từ ông T và đã trả xong cho ông T nên nghĩa vụ của cha mẹ chị theo giấy biên nhận trên đã xong. Việc ông C khởi kiện cha mẹ chị để yêu cầu trả số tiền 650.000.000 đồng là không phù hợp. Giữa ông T và ông C thương lượng thỏa thuận như thế nào thì cha mẹ chị và chị đều không biết. Cha mẹ chị đã trả tiền xong, nếu ông C có yêu cầu thì ông C khởi kiện để yêu cầu ông T trả tiền cho ông C, chứ cha mẹ chị không còn liên quan gì nữa.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh T là ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Ông Trần Minh T và ông Lê Văn C có mối quan hệ là anh em cô cậu ruột, còn với ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị Kim C1 là do ông T quen biết với chị Nguyễn Thị Liễu T1 (con của ông O, bà C1). Giữa ông C và ông O, bà C1 không có quen biết nhau. Do ông O, bà C1 cần tiền trả tiền Ngân hàng nên chị T1 có nhờ ông T giúp đỡ. Ông T có tiền cho chị T1 mượn nhưng vì nói là tiền của ông T cho mượn thì sẽ khó thu hồi lại được nên ông T có nhờ ông C có mặt ngày giao tiền, còn toàn bộ sự việc là do ông T sắp xếp. Ông C nói là giao cho ông T 150.000.000 đồng để lấy lãi.

Ngày 11/7/2019 tại quán C4 tỉnh Bến Tre, ông T và ông C đợi ông O, bà C1 đến để giao tiền. Ông O, bà C1 mượn 650.000.000 đồng, trong đó tiền của ông T bỏ ra là 500.000.000 đồng, ông C là 150.000.000 đồng. Khi ông O, bà C1 đến thì giữa ông O, bà C1 và ông C không nói chuyện gì với nhau. Ông T nói ông C giao tiền cho ông O, bà C1 để ông Ô, bà C1 trả tiền Ngân hàng. Ông C bỏ túi tiền trên bàn và ông O, bà C1 đếm tiền xong thì ông C bỏ đi. Ông T làm biên nhận để ông O, bà C1 ký tên xác nhận vay tiền vào sổ của ông T. Ông T có ký tên và ghi họ tên bên cạnh ông O, bà C1 dưới mục người làm chứng. Nội dung "Người giao tiền" và ký tên Lê Văn C là do ông C ký tên sau.

Ngày 16/7/2019 chị T1 đã gửi trả lại cho ông T số tiền 650.000.000 đồng. Ông T có làm biên nhận và có ghi tên ông Lê Văn C vì khi làm giấy mượn tiền có ghi tên ông C. Sau khi nhận tiền từ chị T1 thì ông T đem tiền giao lại cho ông C 150.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền lãi. Ông T không lấy tiền lãi từ chị T1, số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi ông T đưa cho ông C là tiền của ông T. Ông T gói

tiền trong giấy biên nhận vay tiền ngày 11/7/2019 cho ông C. Như vậy việc vay mượn tiền giữa ông C, ông T và ông O, bà C1 đã được giải quyết xong. Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông O, bà C1 trả tiền là không phù hợp.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2023/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị Kim C1 trả số tiền vốn vay là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/6/2023, nguyên đơn ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ bản án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm kháng cáo là yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Văn C; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn C trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn ông Lê Văn C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị Kim C1 liên đới trả số tiền vốn vay là 650.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 11/7/2019, Giấy xác nhận ngày 21/9/2021 và Giấy xác nhận ngày 01/10/2021. Bị đơn ông Nguyễn Kim O, bà Huỳnh Thị Kim C1 không đồng ý với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đã trả số tiền này cho ông T nên ông T có viết biên nhận ngày 16/7/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T trình bày ông T đã nhận số tiền 650.000.000 đồng mà ông O, bà C1 đã vay vào ngày 11/7/2019, do đó ông C yêu cầu ông O, bà C1 trả số tiền này là không phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn C:

[3.1] Theo Giấy xác nhận ngày 21/9/2021 và ngày 01/10/2021 thể hiện ông O xác nhận với ông C là đã trả cho ông C số tiền 650.000.000 đồng vào ngày 16/7/2019, số tiền này do ông Trần Minh T đã nhận và có viết biên nhận đã nhận đủ số tiền 650.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền 650.000.000 đồng của ông O, bà C1. Ông C cho rằng ông O, bà C1 vay tiền của ông nhưng lại trả cho ông T là không đúng. Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận ông C và ông O, bà C1 gặp nhau lần đầu vào ngày 11/7/2019, trước đây giữa nguyên đơn và bị đơn chưa từng gặp mặt nhau, việc vay tiền của ông O, bà C1 thông qua ông T. Ông C có mặt một lát rồi rời đi, sau khi ông C rời đi thì ông T mới viết biên nhận, không có mặt ông C và ông C cũng không có ký tên vào biên nhận tại thời điểm này. Thực tế ông C không biết nội dung biên nhận, chỉ sau khi quay lại thì ông C mới được ông T giao cho biên nhận để ký tên. Như vậy có thể khẳng định ông O, bà C1 chỉ tiếp xúc với ông T và thực hiện việc giao dịch với ông T để vay số tiền 650.000.000 đồng. Các bên đều thừa nhận ông T là người viết biên nhận ngày 11/7/2019 chứ không phải là ông C. Tại buổi giao nhận tiền ngày 11/7/2019 ông C không nói rõ ông C là người cho mượn tiền và cũng không thỏa thuận sẽ trả số tiền này cho ông C. Đồng thời, theo lời trình bày của chị Liễu T1 là con của ông O, bà C1 thì ông O, bà C1 chỉ đến gặp ông T để nhận tiền thay cho chị T1, do đó ông O, bà C1 chỉ biết ông T và chỉ mượn tiền của ông T nên ông T mới viết biên nhận.

[3.2] Các lời khai của nguyên đơn không thống nhất với nhau cụ thể: Tại biên bản ngày 08/12/2022 (BL 62) thì ông C trình bày: "Tôi có giới thiệu về tên của tôi và cũng có nói tôi là bà con cô cậu với ông T". Tuy nhiên, Tại biên bản đối chất ngày 20/01/2022 (BL 92) mà Tòa án thu thập đối chiếu với vụ án trước đó thì ông C có trình bày "Tôi chỉ gặp mặt giao tiền, không giới thiệu tên, tuổi, địa chỉ số điện thoại của mình cho ông O, bà C1". Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng khi gặp mặt thì ông C và ông O, bà C1 có thỏa thuận là ông O, bà C1 trả tiền cho ông C. Tuy nhiên, tại biên bản

đối chất trên thì ông C trình bày là ông C không dặn là trả cho ai. Do đó lời trình bày của phía nguyên đơn không có cơ sở để xem xét.

[3.3] Mặc khác, nội dung biên nhận ngày 11/7/2019 thể hiện, ông O, bà C1 có mượn của ông Lê Văn C3 và ông Trần Minh T số tiền 650.000.000 đồng. Ông O, bà C1 ký tên dưới mục "Người mượn tiền", còn mục "Người làm chứng" và "Người giao tiền" là do ông T viết và ông C ký tên sau. Ông O, bà C1 không được giữ Biên nhận này nên việc ông O, bà C1 trình bày là ông bà chỉ biết ông T, biên nhận cũng ghi có tên ông T, đồng thời tại thời điểm viết giấy nợ thì chỉ có mặt ông T, không có mặt ông C nên việc ông O, bà C1 trả tiền cho ông T là phù hợp.

[3.3] Như vậy, ông O, bà C1 đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả tiền đối với biên nhận ngày 11/7/2019. Hai giấy xác nhận ngày 21/9/2021, ngày 01/10/2021 và đoạn ghi âm, bản trích lượt đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp tại phiên toà phúc thẩm cũng không thể hiện ông O, bà C1 còn nợ tiền của ông C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C về việc buộc ông O, bà C1 trả số tiền 650.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Ông T cho rằng số tiền 650.000.000 đồng cho ông O, bà C1 vay thì có 500.000.000 đồng là tiền của ông T và 150.000.000 đồng là tiền của ông C. Sau khi nhận được số tiền 650.000.000 đồng từ ông O, bà C1 thì ông T có đưa lại cho ông C 150.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền lãi, tuy nhiên ông T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Mặt khác theo giấy vay tiền ngày 11/7/2019, thể hiện ông O, bà C1 có vay của ông Lê Văn C và ông Trần Minh T số tiền 650.000.000 đồng. Do đó, ông C có quyền khởi kiện ông T bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:

71/2023/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre, cụ thể:

Áp dụng các điều các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị Kim C1 trả số tiền vốn vay là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Dành quyền khởi kiện cho ông Lê Văn C đối với ông Trần Minh T bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn C được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn C được miễn nộp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng KTNV và THA; VP
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương